|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /TTr-BLĐTBXH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hanh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**DỰ THẢO**

**Về Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của**

**Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp 7; Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 12/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội; sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số /BTP-PLDSKT ngày tháng năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Ngày 29/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 (sau đây được viết là Luật BHXH số 41/2024/QH15) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Luật BHXH số 41/2024/QH15 được xây dựng nhằm bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của Hiến pháp và thể chế hóa các quan điểm, định hướng, nội dung cải cách trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng và Nhà nước; phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội (sau đây được viết là BHXH) theo hướng đa dạng, linh hoạt, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, tiến tới bao phủ BHXH đối với toàn bộ lực lượng lao động; sửa đổi căn bản các vướng mắc, bất cập từ thực tiễn; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất, có tính khả thi, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; mở rộng, gia tăng quyền, lợi ích, tạo sự hấp dẫn để thu hút người lao động tham gia BHXH; đồng thời, bảo đảm tốt nhất quyền lợi cho người lao động đang làm việc và người hưởng lương hưu. Luật BHXH số 41/2024/QH15 được kết cấu gồm 11 Chương và 141 Điều, trong đó có 56 điều, khoản, nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết. Liên quan đến chính sách, chế độ BHXH bắt buộc có 26 điều, khoản, nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết.

Bên cạnh đó, tại điểm 13 của Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XV (sau đây được viết là Nghị quyết số 142/2024/QH15) đã giao Chính phủ quy định đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục giải quyết chế độ hưu trí, tử tuất đối với người lao động trong trường hợp người sử dụng lao động không còn khả năng đóng BHXH cho người lao động trước ngày 01/7/2024. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn thu xử lý chậm đóng, trốn đóng quy định tại khoản 3 Điều 122 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 và số tiền 0,03%/ngày thu được theo quy định tại khoản 1 Điều 40 và khoản 1 Điều 41 của Luật BHXH số 41/2024/QH15. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện người sử dụng lao động vẫn còn khả năng đóng BHXH cho người lao động thì thực hiện truy thu, truy đóng vào quỹ BHXHvà xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Như vậy, *việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc là rất cần thiết.*

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục tiêu**

Việc xây dựng và ban hành Nghị định nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách BHXH theo quy định của Luật BHXH số 41/2024/QH15 và tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Bám sát chủ trương, định hướng, quan điểm chỉ đạo trong quá trình xây dựng Luật BHXH số 41/2024/QH15; đảm bảo quy định chi tiết, đầy đủ các nội dung Luật BHXH số 41/2024/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Thực hiện đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm thực hiện đúng kế hoạch, thời hạn được giao;

- Tham khảo và kế thừa chọn lọc các quy định hiện hành phù hợp đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sửa đổi các quy định chưa phù hợp, bảo đảm tính khả thi, dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật;

- Nội dung dự thảo Nghị định rõ ràng, cụ thể, chi tiết và khả thi; bảo đảm thuận tiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc[[1]](#footnote-1) và điểm 13 của Nghị quyết số 142/2024/QH15.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, g, h, i, k, l m và n khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Luật BHXH. *(Đối với các đối tượng quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH sẽ được quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc đối với đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân).*

b) Người thụ hưởng chế độ BHXH theo quy định của Luật BHXH.

c) Người sử dụng lao động quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật BHXH.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến BHXH bắt buộc.

**IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG**

1. Ngày 08/10/2024, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 1690/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc.

2. Xây dựng dự thảo Nghị định: tiến hành khảo sát, đánh giá tại các đại phương phục vụ cho việc xây dựng dự thảo Nghị định; tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến hoàn thiện dự thảo Nghị định.

3. Ngày 04/11/2024, Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập họp cho ý kiến đối với dự thảo Nghị định và Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc.

4. Ngày …/11/2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Văn bản số ……/BLĐTBXH-VBHXH gửi lấy ý kiến các bộ, ngành về dự thảo Nghị định; đồng thời có Công văn số …./BLĐTBXH-VBHXH ngày ….11/2024 đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động.

5. Đã có … văn bản góp ý từ các Bộ, ngành, địa phương đối với dự thảo Nghị định. Sau 60 ngày đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ, có …. ý kiến góp ý của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với BHXH Việt Nam tổ chức các Hội nghị lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương về dự thảo Nghị định.

6. Sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện hồ sơ Nghị định, ngày …/…/2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản số …/BLĐTBXH-VBHXH gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ Nghị định.

7. Ngày …./…/2024, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số …/BCTĐ-BTP thẩm định đối với hồ sơ Nghị định. Ngày …./…./2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Báo cáo số ….. tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục của Nghị định**

Nghị định được kết cấu gồm 07 Chương và 44 Điều, 02 Phụ lục và 03 Biểu mẫu (Đơn đề nghị xác nhận, Giấy xác nhận, Đơn đề nghị giải quyết chế độ tử tuất)

**2. Nội dung cơ bản của Nghị định**

Nghị định bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

*2.1. Chương I. Những quy định chung*

Chương này gồm 05 điều, từ Điều 1 đến Điều 5 quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; đối tượng tham gia BHXH bắt buộc; Bản sao các giấy tờ dùng để thực hiện BHXH quy định tại Luật BHXH và Mức tham chiếu.

- Về đối tượng tham gia BHXH bắt buộc (Điều 3): dự thảo Nghị định đã đề xuất 02 phương án quy định đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh quy định tại điểm m khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH; Quy định việc tham gia BHXH bắt buộc trong trường hợp đối tượng quy định tại điểm m và điểm n khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH đồng thời thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH; Quy định đối tượng hưởng trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 của Luật BHXH.

- Về bản sao các giấy tờ dùng để thực hiện BHXH quy định tại Luật BHXH (Điều 4): dự thảo Nghị định đã quy định bổ sung thêm 01 trường hợp so với khoản 12 Điều 3 của Luật BHXH, cụ thể: “Được cơ quan BHXH xác nhận đã đối chiếu với bản chính”.

- Về mức tham chiếu (Điều 5): được quy định chi tiết từ nội dung tại Điều 7 và khoản 13 Điều 141 của Luật BHXH.

*2.2. Chương II. Đăng ký tham gia và quản lý thu, đóng BHXH bắt buộc*

Chương này gồm 06 điều, từ Điều 6 đến Điều 11: quy định về việc: Đăng ký tham gia BHXH và cấp sổ BHXH; Tiền lương làm căn cứ đóng; Truy thu, truy đóng; Mức đóng, phương thức và thời hạn đóng; Tạm dừng đóng BHXH bắt buộc.

- Về đăng ký tham gia BHXH và cấp sổ BHXH (Điều 6): dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc đăng ký tham gia BHXH bắt buộc đối với đối tượng quy định tại các điểm m, n, g và h khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH, đây là các nhóm đối tượng đặc thù không có người sử dụng lao động như các đối tượng khác.

- Về tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc (Điều 7): dự thảo Nghị định quy định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định theo hướng trên cơ sở quy định về tiền lương theo quy định của pháp luật lao động để xác định các khoản (mức lương, phụ cấp lương, bổ sung khác) phải đóng BHXH bắt buộc.

Về tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (đối tượng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH: Theo quy định hiện hành thì tiền lương làm căn cứ đóng BHXH đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là mức lương cơ sở[[2]](#footnote-2). Tuy nhiên, hiện nay người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp do ngân sách nhà nước Trung ương khoán cho các địa phương với mức bằng từ 1,5 – 2 lần mức lương cơ sở[[3]](#footnote-3). Chính vì vậy, dự thảo Nghị định đề xuất quy định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là mức phụ cấp hằng tháng.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định quy định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc trong trường hợp tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và tiền lương trả cho người lao động bằng ngoại tệ trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành[[4]](#footnote-4).

- Về truy thu, truy đóng BHXH bắt buộc: kế thừa các trường hợp truy thu, truy đóng của pháp luật hiện hành[[5]](#footnote-5); đồng thời bổ sung quy định truy thu, truy đóng đối với trường hợp đối tượng quy định tại điểm m và điểm n khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH đóng sau thời hạn đóng BHXH chậm nhất quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Luật BHXH.

Về tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (Điều 10) và tạm dừng đóng BHXH (Điều 11): về cơ bản được kế thừa từ quy định hiện hành[[6]](#footnote-6).

*2.3. Chương III. Chế độ BHXH bắt buộc*

Chương này gồm 10 điều, từ Điều 12 đến Điều 21, kết cấu thành 02 mục: chế độ hưu trí và chế độ tử tuất.

*a) Về chế độ hưu trí (mục 1): Nội dung mục này tập trung quy định, làm rõ một số nội dung chính như:*

- Liên quan đến điều kiện hưởng lương hưu, dự thảo Nghị định đã quy định phụ lục về công việc khai thác than trong hầm lò; quy định việc xác định tuổi làm cơ sở xác định điều kiện hưởng lương hưu đối với một số trường hợp đặc biệt như không xác định được ngày, tháng sinh; thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, thời gian công tác tại các chiến trường B, C trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 và chiến trường K trước ngày 31 tháng 8 năm 1989.

- Quy định mốc tuổi để tính số năm nghỉ hưu trước tuổi quy định làm cơ sở tính giảm tỷ lệ hưởng lương hưu quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật BHXH.

- Liên quan đến hưởng BHXH một lần: quy định chi tiết để làm rõ trường hợp hưởng BHXH một lần quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 70 của Luật BHXH không bao gồm trường hợp người lao động có thời gian đóng BHXH trước ngày 01/7/2025 nhưng đã hưởng BHXH một lần đối với toàn bộ thời gian đóng BHXH trước ngày 01/7/2025; việc xác định 12 tháng không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

- Quy định chi tiêt mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH để tính lương hưu, trợ cấp một lần; trong đó quy định trường hợp đặc biệt trường hợp trong quá trình đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định mà chuyển sang làm công việc khác vẫn thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định nhưng có tiền lương làm căn cứ đóng BHXH thấp hơn; đối với người lao động có thời gian công tác ở cấp xã và thời gian đóng BHXH bắt buộc của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Về điều chỉnh tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc: quy định theo hướng BHXH Việt Nam căn cứ quy định tại Nghị định (công thức) và chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm do Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố để thực hiện. Quy định này nhằm khắc phục bất cập hiện hành, tạo thuận lợi và kịp thời trong tổ chức thực hiện. Theo quy định hiện hành[[7]](#footnote-7), hằng năm Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng BHXH để làm cơ sở giải quyết chế độ BHXH cho người lao động hưởng chế độ trong năm. Tuy nhiên, đến ngày 25/12 hằng năm thì Tổng cục Thống kê mới công bố chỉ số giá tieu dùng bình quân năm, do vậy, khi ban hành Thông tư này vừa không thể đảm bảo đúng quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời cũng không kịp thời trong giải quyết chế độ BHXH cho người lao động hưởng chế độ từ ngày 01/01 hằng năm.

- Về tạm dừng, chấm dứt, tiếp tục hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng: quy định bổ sung trường hợp chấm dứt hưởng trong trường hợp mất quốc tịch Việt Nam.

*b) Về chế độ tử tuất (mục 2):* Nội dung mục này tập trung quy định về Chế độ tử tuất đối với trường hợp người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng chết; Chế độ tử tuất đối với người vừa có thời gian đóng BHXH tự nguyện vừa có thời gian đóng BHXH bắt buộc.

*2.4. Chương IV. Chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội*

Chương này gồm 3 điều, từ Điều 22 đến Điều 24: quy định chi tiết, cụ thể về cách thức tính thời gian trợ cấp hằng tháng; mức trợ cấp hằng tháng và chế độ đối với thân nhân người đang hưởng trợ cấp hằng tháng chết trước khi hết thời hạn hưởng trợ cấp. Một số một dung chính của chương này như:

- Về thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng: quy định cụ thể công thức xác định thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng trên cơ sở thời gian đóng, tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của người lao động; quy định cụ thể việc người lao động được đóng một lần cho phần còn thiếu để được hưởng cho đến khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội đối với trường hợp thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng theo tính toán không đủ để người lao động hưởng trợ cấp hằng tháng cho đến khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

- Về mức trợ cấp hằng tháng: quy định mức trợ cấp hằng tháng tại thời điểm giải quyết được tính bằng mức trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng; quy định cụ thể về mức trợ cấp hằng tháng cao hơn trong trường hợp khi tính toán thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng vượt quá thời gian đến khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

- Về chế độ đối với thân nhân người đang hưởng trợ cấp hằng tháng chết trước khi hết thời hạn hưởng trợ cấp: quy định cụ thể về trợ cấp một lần đối với thân nhân của người lao động trong trường hợp người đang hưởng trợ cấp hằng tháng chết trước khi hết thời hạn hưởng trợ cấp; các trường hợp thân nhân được hưởng trợ cấp mai táng phí và hồ sơ, trình tự giải quyết hưởng trợ cấp một lần và trợ cấp mai táng.

*2.5. Chương V. Chế độ hưu trí, tử tuất đối với người lao động trong trường hợp người sử dụng lao động không còn khả năng đóng*

Chương này gồm 06 điều, từ Điều 25 đến Điều 30: quy định việc giải quyết chế độ hưu trí, tử tuất đối với người lao động trong trường hợp người sử dụng lao động không còn khả năng đóng theo điểm 13 của của Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Nghị quyết kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XV. Một số nội dung tập trung quy định tại chương này gồm:

- Quy định cụ thể các trường hợp người sử dụng lao động không còn khả năng đóng BHXH cho người lao động.

- Quy định cụ thể về xác nhận thời gian đóng BHXH của người lao động để giải quyết chế độ hưu trí, tử tuất.

- Quy định căn cứ xác định người sử dụng lao động không còn khả năng đóng BHXH cho người lao động; căn cứ xác định thời gian người lao động làm việc tại đơn vị sử dụng lao động trong thời gian chậm đóng, trốn đóng BHXH bắt buộc.

- Quy định trình tự, thủ tục xác nhận thời gian đóng và giải quyết chế độ hưu trí, tử tuất đối với người lao động.

*2.6. Chương VI. Quy định chuyển tiếp*

Chương này gồm 11 điều, từ Điều 31 đến Điều 41: tập trung quy định một số nội dung như:

- Phụ cấp khu vực đối với người hưởng BHXH;

- Chế độ tử tuất đối với thân nhân người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động, đang hưởng trợ cấp hằng tháng sau khi đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động, đang hưởng trợ cấp hằng tháng đối với công nhân cao su, đang hưởng trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc chết;

- Tính thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 để hưởng BHXH;

- Tính thời gian công tác đối với người lao động đi hợp tác lao động trước ngày 01/01/1995;

- Tính thời gian công tác để hưởng BHXH đối với người lao động làm việc thuộc khu vực nhà nước, nghỉ chờ việc từ ngày 01/11/1987 đến trước ngày 01/01/1995;

- Tính thời gian công tác hưởng BHXH đối với cán bộ xã có thời gian đảm nhiệm chức danh theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP;

- Chế độ đối với người đang hưởng trợ cấp hằng tháng mà trước đó có thời gian đóng BHXH chưa được tính hưởng BHXH;

- Chế độ đối với người lao động đã có quyết định nghỉ việc chờ giải quyết chế độ hưu trí, trợ cấp hằng tháng;

- Chế độ đối với người lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau do mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày hoặc đang nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của Luật số 58/2014/QH13.

Về cơ bản, các nội dung quy định tại chương này được kế thừa từ các quy định hiện hành đang được thực hiện thời gian qua theo các văn bản của Chính phủ và của các bộ, ngành[[8]](#footnote-8).

*2.7. Chương VII. Điều khoản thi hành*

Chương này gồm 03 điều, từ Điều 42 đến Điều 44: quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến BHXH (Nghị định số 88/2020/NĐ-CP); Hiệu lực thi hành và Trách nhiệm tổ chức thi hành.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực**

Với các quy định tại dự thảo Nghị định về cơ bản không yêu cầu tăng thêm nhân lực để triển khai thực hiện chế độ, chính sách BHXH sau khi được thông qua. Việc tổ chức thực hiện Nghị định sau khi được thông qua vẫn được đảm bảo bởi cơ quan BHXH, không cần tăng thêm nguồn nhân lực.

**2. Về đảm bảo nguồn kinh phí**

Kinh phí bảo đảm tổ chức thực hiện Nghị định sau khi được ban hành được lấy từ chi tổ chức và hoạt động BHXH theo quy định tại Điều 120 Luật BHXH để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng tổ chức thực hiện chế độ, chính sách của cơ quan BHXH và từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của các bộ, ngành để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BHXH.

Trên đây là các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc**,** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*Hồ sơ kèm theo Tờ trình này gồm: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (3) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (4) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; (6) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; (7) Bản chụp ý kiến góp ý.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Ủy ban Xã hội của Quốc hội;  - Các bộ: Công an, Quốc phòng,  Tài chính, Tư pháp;  - BHXH Việt Nam;  - Lưu: VT, VBHXH(VHN). | **BỘ TRƯỞNG**  **Đào Ngọc Dung** |

1. Bao gồm các điều, khoản: Điểm m khoản 1, điểm e khoản 5 và khoản 7 Điều 2, điểm c khoản 12 Điều 3, khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 23, khoản 4 Điều 25, khoản 5 Điều 28, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 31, khoản 5 Điều 33, khoản 3 Điều 37, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 64, khoản 5 Điều 66, khoản 7 Điều 70, khoản 4 Điều 72, khoản 2 Điều 73, khoản 7 Điều 75, khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 90, khoản 2 Điều 111, khoản 15 Điều 141. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 1 Điều 89 của Luật BHXH năm 2014 [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 34 của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 26 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 18 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-5)
6. Điều 16 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP và Điều 28, Điều 29 của Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản 3 Điều 10 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-7)
8. Nghị định số 115/2015/NĐ-CP; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 06/2021/TT-BLĐTBXH; văn bản số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;… [↑](#footnote-ref-8)